

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Lê Kim Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Lê Thị K, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà, anh T vắng mặt, chị K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2024 và các văn bản tố tụng, nguyên đơn là anh Lê Sỹ T trình bày và đề nghị: Anh và chị Lê Thị K đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian anh chị tìm hiểu ngắn nên không hiểu rõ tính cách của nhau dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, về quản lý kinh tế gia đình. Chị K không tin tưởng chồng mà luôn nghi ngờ, trách móc anh. Ngoài ra, còn mâu thuẫn giữa con dâu với mẹ chồng. Chị K và mẹ chồng nhiều lần bất hoà, cãi nhau. Anh đang đi làm phải bỏ công việc để về nhà giải quyết mâu thuẫn giữa chị K và mẹ chồng. Chị K đã hai lần làm đơn ly hôn, rồi bỏ về nhà bố mẹ đẻ, để con lại cho anh nuôi. Anh khuyên nhủ nên chị K đã đồng ý quay về nhà nhưng vợ chồng anh chỉ hòa thuận được một thời gian lại

phát sinh mâu thuẫn. Ngày 12/8/2021, chị K không bế con cho anh đi làm mà nằm trên giường xem điện thoại và nói ‘con mi mi tự bế’ làm cho anh bức xúc ném điện thoại của chị K xuống đất. Chị K lại bỏ nhà đi. Gia đình hai bên đã hòa giải và khuyên bảo nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khiến cho cuộc sống gia đình vô cùng mệt mỏi. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay. Chị K đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị K.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Tố Y, sinh ngày 02/12/2020. Hiện tại cháu Tố Y đang ở cùng với chị K và ông bà ngoại. Cháu ngoan, khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ và không bị đánh đập bạo hành. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Tố Y và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị K cũng có nguyện vọng nuôi con và cháu đang còn nhỏ nên anh đồng ý giao con cho cô Khang nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Hiện tại anh làm nghề lái máy xúc và xe ben, mức thu nhập bình quân 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 23/4/2024, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là chị Lê Thị K trình bày và đề nghị: Chị và anh Lê Sỹ T đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, về quản lý kinh tế gia đình. Anh T mua bán tài sản không bàn bạc với vợ, không tôn trọng vợ, tiền anh T làm ra không đưa cho vợ mà đưa cho mẹ đẻ. Anh T phụ thuộc vào bố mẹ quá nhiều, không phân biệt được đúng sai, không quan tâm đến vợ con. Ngoài ra, còn có mâu thuẫn giữa chị với bố mẹ chồng, bố mẹ chồng hạch sách, tri triết gây sức ép vì cho rằng chị không bỏ tiền mua ô tô nên không có quyền tra khảo tiền của anh T. Đỉnh điểm của sự mâu thuẫn là bố mẹ chồng xúc phạm bố mẹ đẻ của chị, nói xấu chị khắp nơi và tát chị 3 cái. Anh T không bảo vệ vợ con mà bỏ mặc. Gia đình hai bên có tổ chức họp gia đình nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn từ tháng 8/2021 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị yêu cầu anh T phải thay đổi tư duy cách sống, biết lo cho vợ con và vợ chồng phải ở riêng, không ở chung với bố mẹ chồng nhưng anh T không đồng ý và cương quyết ly hôn, chị cũng không còn biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Tố Y, sinh ngày 02/12/2020. Hiện tại cháu đang sống cùng chị và ông bà ngoại. Cháu ngoan khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ và không bị đánh đập bạo hành. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Tố Y và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đ/tháng. Hiện tại chị làm công nhân cho

công ty TNHH Bá Anh tại thôn 5, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa mức thu nhập bình quân là 5.000.000đ/tháng. Chị hoàn toàn có đủ khả năng để nuôi con. Bố mẹ chị vẫn tạo điều kiện về nơi ở cho hai mẹ con và giúp đỡ chị chăm sóc và đưa đón cháu đi học.

Về tài sản và công nợ: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 23/05/2024 tại UBND xã T, huyện T thể hiện: Anh Lê Sỹ T và chị Lê Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 30/9/2019 tại UBND xã T, huyện T. Về mâu thuẫn gia đình do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân. Chị K đang ở với bố mẹ đẻ tại thôn y, xã T, huyện T.

Anh Lê Sỹ T và chị Lê Thị K có một con chung là Lê Tố Y, sinh ngày 02/12/2020 đang sống cùng với chị K và ông bà ngoại. Cháu Tố Y ngoan ngoãn, khỏe mạnh, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. Chị K làm công nhân có sức khỏe, có thu nhập ổn định, không vi phạm pháp luật, có đủ điều kiện nuôi.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 55,81,82,83 LHNGĐ:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Sỹ T và chị Lê Thị K.
- Về con chung: Giao cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Tố Y sinh ngày 02/12/2020. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu Tố Y đủ 18 tuổi.
- Về tài sản: Không yêu cầu nên không xét.
- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị K cư trú tại xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Anh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Sỹ T và chị Lê Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 30/2019 ngày 30 tháng 9 năm 2019 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, quản lý kinh tế gia đình. Ngoài ra, còn có mâu thuẫn giữa chị K với gia đình chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, căng thẳng và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Chị K cũng không còn biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị đồng ý ly hôn anh T. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Sỹ T và chị Lê Thị K.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Tố Y, sinh ngày 02/12/2020. Cháu Lê Tố Y đang ở với mẹ, cháu ngoan, khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ và không bị đánh đập bạo hành. Chị K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Tố Y. Anh T cũng đồng ý giao cháu Lê Tố Y cho chị K nuôi dưỡng. Xét sự thoả thuận của các đương sự phù hợp pháp luật, phù hợp với điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung của chị K. Do đó, HĐXX công nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cho chị K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Lê Tố Y.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Chị K yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng: 7.000.000đ. Hiện tại, anh T làm nghề tự do, mức thu nhập bình quân 12.000.000đ/tháng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị K mỗi tháng 3.000.000đ. HĐXX xét thấy, ngoài lời khai của anh T, chị K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của anh T, do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đ/tháng của chị K là quá cao so với mức thu nhập của anh T, vượt quá khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của anh T. Vì vậy, HĐXX chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị K bằng mức tự nguyện cấp dưỡng của anh T mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của anh T và mức sống tại địa phương đối với độ tuổi của cháu Lê Tố Y.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 55, 81, 82, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Sỹ T và chị Lê Thị K.

2. Về con chung: Anh T và chị K có 01 con chung là cháu Lê Tố Y sinh ngày 02/12/2020. Giao cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tố Y. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu Tố Y đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng là: 600.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/0002872 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh T còn phải nộp 300.000đ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Thệ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu